TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38/2025/QĐST-HNGĐ	

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa:

**** Nguyên đơn***: Chị Trần Thị T, sinh ngày 08/02/1992; Nơi ĐKHKTT: thôn HC, xã UH, thành phố Hà Nội.

Số CCCD: 037192032215; do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/4/2023.

**** Bị đơn***: Anh Lê Tiến N, sinh ngày 19/6/1990; Nơi ĐKHKTT: thôn HC, xã UH, thành phố Hà Nội.

Số Căn cước: 0010900035326; do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/7/2021.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị T và Anh Lê Tiến N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Chị Trần Thị T và Anh Lê Tiến N thuận tình ly hôn.

{(Giấy đăng ký kết hôn số 14/2023 ngày 02/3/2023 tại UBND xã Hoà Lâm, huyện UH (nay là xã UH), thành phố Hà Nội giữa Anh Lê Tiến N với Chị Trần Thị T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 31/7/2025}.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị T và Anh Lê Tiến N có 01 con chung: Lê MA, sinh ngày 27/9/2024. Sau ly hôn, giao con chung cho chị Trần Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đối với chị T số tiền 2.000.000đồng/tháng (hai triệu đồng), cụ thể vào ngày 15 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi có thay đổi mới hoặc có yêu cầu khác.

2.3. Về tài sản, công sức và công nợ chung: anh N và chị T đều xác nhận không có, đều không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án; Chấp nhận sự tự nguyện của Chị Trần Thị T nộp cả 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001680 ngày 23/7/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa (nay là: Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 - Hà Nội).

3. *Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.*

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 12;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thiện